

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26 /2018/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 9 năm 2018

IT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 8803
	Ngày: 21/9/2018
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 34/TTr-SNV ngày 27 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và thay thế Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND

các huyện, thành phố; các doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp thuộc khối thi đua của tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư Pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi;
- Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, HCTC, CBTH;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2018/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng; đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền xét khen thưởng, đề nghị khen thưởng; tuyển trình khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học; Quỹ thi đua, khen thưởng các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với công dân Việt Nam, các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, đơn vị sự nghiệp, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức kinh tế, đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tổ chức nước ngoài tham gia các phong trào thi đua, đạt được thành tích tiêu biểu xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013 và Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Các đối tượng được quy định tại Điều 2 Quy chế này tham gia các phong trào thi đua, đạt được thành tích tiêu biểu xuất sắc thì được xét, đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật. Không xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh có đủ điều kiện nhưng không tham gia đăng ký và tổ chức thực hiện phong trào thi đua.

3. Chưa xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật; đang bị điều tra, thanh tra, kiểm

tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ; cơ quan, đơn vị, địa phương có người đứng đầu đang bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; cơ quan, đơn vị, địa phương có thời gian hoạt động dưới 01 năm (12 tháng).

4. Đối với mỗi tập thể, cá nhân trong 01 năm chỉ có thể đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 bằng khen về thành tích toàn diện (khen thưởng xuyên) và không quá 02 bằng khen về thành tích thi đua theo đợt (chuyên đề), trừ trường hợp khen thưởng đột xuất. Việc khen thưởng tập thể, cá nhân nhân dịp đại hội nhiệm kỳ (do cấp tỉnh tổ chức), kỷ niệm ngày truyền thống của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi xét thi đua, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng thì tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý (có hưởng phụ cấp chức vụ) không được quá 50% tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng. Cần quan tâm khen thưởng các tập thể nhỏ.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt (chuyên đề) thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Trước khi tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc liên ngành; các cơ quan, đơn vị, địa phương, liên ngành phải gửi kế hoạch tổ chức phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn khen thưởng. Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) từ 03 năm trở lên, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Chỉ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích thật tiêu biểu xuất sắc.

Điều 5. Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua

1. Nội dung thi đua phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế, tính cấp bách và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp, đảm bảo tính khoa học và đúng pháp luật. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện.

2. Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi, đối tượng và thời gian thi đua, trên cơ sở nhiệm vụ chính trị được giao, từ đó đề ra các nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Chỉ tiêu phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao phải cao hơn, thời hạn hoàn thành phải sớm hơn. Tổ chức phát động và đăng ký giao ước thi đua giữa tập thể với tập thể, cá nhân với cá nhân, gia đình với gia đình trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Xây dựng kế hoạch, xác định biện pháp phối hợp giữa các cấp chính quyền với Mặt trận và các tổ chức thành viên, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền mục đích ý nghĩa của phong trào thi đua, vận động đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng phát huy tinh thần trách nhiệm, tự giác tham gia, đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua, tránh phô trương hình thức. Chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các phong trào thi đua.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua nhằm đánh giá kết quả thực hiện, phổ biến những kinh nghiệm hay, cách làm mới trong phong trào thi đua, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng và đề nghị khen thưởng. Kịp thời tổ chức tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh, nhân rộng những gương điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo và phát động phong trào thi đua trên địa bàn toàn tỉnh; xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua của tỉnh.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về chủ trương, nội dung, kế hoạch, tổ chức phát động phong trào thi đua, công tác tuyên truyền, biện pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng; việc phân chia các khối, cụm thi đua của tỉnh, số lượng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua, Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các khối, cụm thi đua; công tác sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến; công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các tập thể, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội, đoàn thể tỉnh, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, khối trưởng, cụm trưởng và thành viên các khối, cụm thi đua, Bí thư huyện ủy, thành ủy và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng trong phạm vi quản lý.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm phối hợp với chính quyền cùng cấp tổ chức phát động phong trào thi đua, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia. Giám sát, kiến nghị giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các phong trào thi đua và chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng của các cấp chính quyền.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về thi đua, khen thưởng, thường xuyên cổ vũ các phong trào thi đua. Phát hiện nêu gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, phổ biến những cách làm hay, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

6. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp và của mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu, đề xuất giúp người đứng đầu tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện khen thưởng đúng quy định.

Điều 7. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Tỷ lệ cá nhân được xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp. Trường hợp có số dư từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và được xét, đề nghị vào năm cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba (liên tục).

Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” không quá 15% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 10%) trong tổng số cá nhân của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”. Nếu tính tỷ lệ % không đủ 01 cá nhân thì được đề nghị tối đa 01 cá nhân, nếu có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 cá nhân.

4. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và thời điểm trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh lần thứ 2 (liên tục). Hồ sơ gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chậm nhất ngày 31 tháng 10 hàng năm.

5. Ngoài tiêu chuẩn trên, đối với cá nhân là người đứng đầu các tổ chức kinh tế, đơn vị sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ nộp ngân sách,... thì đơn vị phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động, vệ sinh môi trường,... mới được đề nghị xét tặng các danh hiệu Chiến sỹ thi đua.

Điều 8. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003. Nếu có tổ chức Đảng phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn khá” trở lên.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và tiêu biểu nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Nếu có tổ chức Đảng thì phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”.

Đối tượng và tỷ lệ xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Đối với cấp tỉnh: Phòng, ban và đơn vị tương đương thuộc các sở, ban, ngành, các Ban Đảng Tỉnh ủy, Đảng ủy khối, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội, đoàn thể.

b) Đối với cấp huyện: Các phòng, ban và đơn vị tương đương trực thuộc cấp huyện; tập thể cán bộ công chức Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các khoa, phòng và tương đương thuộc các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, bệnh viện cấp tỉnh.

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã và tương đương; các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

đ) Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hàng năm không quá 30% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 15%) trong tổng số tập thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Nếu tính tỷ lệ % không đủ 01 tập thể thì được đề nghị tối đa 01 tập thể, nếu có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 tập thể.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các điều kiện sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua thuộc các khối, cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức. Nếu có tổ chức Đảng phải đạt “Trong sạch, vững mạnh”, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”.

b) Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc để xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải được thông qua việc chấm điểm, bình xét, đánh giá, so sánh, suy tôn của các thành viên trong khối, cụm thi đua và phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu đồng ý của các thành viên trong khối, cụm thi đua.

c) Trường hợp tập thể được khối, cụm thi đua bầu chọn đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” nhưng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bỏ phiếu kín không đạt tỷ lệ đồng ý theo quy định thì tùy từng trường hợp, Hội đồng có thể xem xét, đề nghị khen thưởng ở mức thấp hơn (bằng khen).

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013 và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp tập thể được khối, cụm thi đua bầu chọn đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bỏ phiếu kín không đạt tỷ lệ đồng ý theo quy định thì tùy từng trường hợp, Hội đồng có thể xem xét, đề nghị khen thưởng ở mức thấp hơn (Cờ thi đua hoặc bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

5. Ngoài các tiêu chuẩn trên, đối với các tổ chức kinh tế, đơn vị sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ nộp ngân sách,... thì đơn vị phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động, vệ sinh môi trường,... mới được đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua.

Điều 9. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”

Việc xét, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 10. Giấy khen

1. Giấy khen được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân, gia đình đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Nếu tập thể có tổ chức Đảng, phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua thuộc các khối, cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức, được các thành viên trong khối, cụm bầu chọn, đề nghị hoặc được bình xét trong các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) khi sơ kết, tổng kết theo quy định.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho nhân dân và cán bộ các xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc được tuyên dương ở cấp tỉnh trong cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân lập được thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc đột xuất theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho nông dân, ngư dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lập được nhiều thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, kinh doanh có phạm vi ảnh hưởng trong xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc rộng hơn, được cơ quan, đơn vị và cán bộ, nhân dân ghi nhận.

7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh tặng cho cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp tiền của ủng hộ các quỹ xã hội trong tỉnh dưới hình thức tự nguyện.

Điều 12. Tỷ lệ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân đạt thành tích hàng năm

1. Đối với tập thể không quá 25% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 15%) trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với cá nhân không quá 15% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 10%) trong tổng số cá nhân đạt tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đối với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, số lượng tập thể, cá nhân đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen phải thấp hơn so với số lượng mà đơn vị đề nghị ngành dọc cấp trên khen thưởng và không quá 25% trong tổng số tập thể, 15% trong tổng số cá nhân đạt tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Khi tính tỷ lệ % các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 điều này, nếu có số dư lớn hơn 0,5 thì được đề nghị thêm 01 tập thể hoặc 01 cá nhân.

Điều 13. Khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt giải thưởng, thành tích cao

Tập thể, cá nhân đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, đạt thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen theo quy định tại Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định chính sách khen thưởng cho tập thể, cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế và Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 8 và Điều 9 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 14. Huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương, Huy hiệu, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 15. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định tặng bằng khen; “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

b) Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến bằng văn bản trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, các loại Huân chương, Huy chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước cho tập thể, cá nhân (trừ danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”).

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Quyết định tặng giấy khen; danh hiệu “Lao động tiến tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiến tiến”;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng bằng khen; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các đối tượng thuộc quyền quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định tặng giấy khen và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định; tặng danh hiệu “Lao động tiến tiến”; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cán bộ, công chức, nông dân, người lao động thuộc quyền quản lý của cấp xã.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Giám đốc hợp tác xã quyết định tặng giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các đối tượng thuộc quyền quản lý.

5. Các trường hợp khác được giải quyết như sau: Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã thì cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức,

người lao động hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua hoặc đề nghị cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

6. Người đứng đầu cấp có thẩm quyền được quy định tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 điều này chịu trách nhiệm về quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp mình và việc đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với đối tượng thuộc quyền quản lý.

7. Cơ quan, bộ phận có chức năng tham mưu về thi đua, khen thưởng các cấp chịu trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến hiệp ý, xác nhận của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và trình cấp có thẩm quyền quyết định các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 16. Quy định về tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng bằng khen; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với: Liên đoàn Lao động huyện, thành phố; Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức tỉnh; Công đoàn Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Công đoàn thuộc hệ thống quản lý của Liên đoàn Lao động tỉnh; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách Công đoàn thuộc các tổ chức Công đoàn nêu trên.

2. Đối với phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề): Cấp nào, cơ quan, ngành nào chủ trì phát động thì cấp đó, cơ quan, ngành đó xét khen thưởng khi sơ kết, tổng kết. Chi trình cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân lập được thành tích thật sự tiêu biểu xuất sắc; phải phối hợp với cơ quan tham mưu về thi đua, khen thưởng cấp huyện hoặc cấp tỉnh xem xét, thống nhất trước khi trình khen thưởng.

3. Đối với các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã):

a) Các tổ chức kinh tế là thành viên các khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức thì người đứng đầu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

b) Trường ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các tổ chức kinh tế thuộc Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

c) Đối với các tổ chức kinh tế không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b điều này, nếu có thành tích tiêu biểu xuất sắc (hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách, bảo vệ môi trường, thực hiện chính sách đối với người lao động, ...) góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi tổ chức kinh tế có trụ sở hoặc thường xuyên hoạt động xem xét khen thưởng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Trường hợp khen thưởng đột xuất đối với tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước, truy bắt tội phạm,...: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nào quản lý đối tượng hoặc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình thì người đứng đầu khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng (thực hiện theo thủ tục, hồ sơ đơn giản).

Điều 17. Quy định về hiệp y khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến hiệp y, xác nhận của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện (tùy theo đối tượng).

2. Nội dung lấy ý kiến hiệp y, xác nhận gồm: Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể; việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động, đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm,...

3. Khi có văn bản xin ý kiến hiệp y, xác nhận của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, sau 05 ngày làm việc (tính theo dấu Bưu điện hoặc ký nhận công văn đến) cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, quá thời gian nêu trên nếu không có ý kiến trả lời, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trình khen thưởng theo quy định. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được xin ý kiến hiệp y, xác nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hiệp y, xác nhận.

Điều 18. Quy định về thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định trình khen thưởng

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng như sau:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (huân, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước) thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi trước ngày 10 tháng 2 hàng năm. Hệ thống giáo dục đào tạo trước ngày 30 tháng 7 hàng năm;

c) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng hàng năm (khen thưởng xuyên) gửi trước ngày 10 tháng 3 hàng năm. Hệ thống giáo dục đào tạo trước ngày 30 tháng 7 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), đại hội nhiệm kỳ, kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ trước ngày tổ chức ít nhất 20 ngày.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với khen thưởng đột xuất, thời gian thẩm định hồ sơ không quá 5 ngày làm việc.

Điều 19. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại các Điều: 45, 49, 50, 51 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo quy định tại các Điều: 52, 53, 54, 55, 56, 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Thủ tục, hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân gồm 02 bộ (bản chính) đóng thành tập, đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) theo địa chỉ btdkt@quangngai.gov.vn, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; Khối trưởng, Cụm trưởng khối, cụm thi đua (đối với khen thưởng các thành viên trong khối, cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức);

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu tại Phụ lục được kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ) có xác nhận của cấp trình khen thưởng (kèm theo tài liệu minh chứng cho thành tích, nếu có);

c) Biên bản họp xét khen thưởng và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; của các thành viên khối, cụm thi đua, hoặc của các thành viên tham gia thi đua theo đợt (chuyên đề) dưới hình thức liên ngành.

Đối với việc đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các thành viên khối, cụm thi đua, thành viên tham gia thi đua theo đợt (chuyên đề) dưới hình thức liên ngành hoặc xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác (trừ Trung ương, tỉnh quy định cụ thể) thì tỷ lệ phiếu đồng ý phải đạt từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (nếu thành viên nào vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng phiếu bầu hoặc bằng văn bản để xác định kết quả).

d) Đối với những đơn vị sản xuất kinh doanh, cơ quan, tổ chức có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, chế độ bảo hiểm,... khi trình các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc” “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Bằng khen và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền về kết quả thực hiện. Đối với doanh nghiệp phải có báo cáo kết quả kiểm toán trong thời gian 05 năm trở lên trước khi đề nghị khen thưởng.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ khen thưởng và tham mưu Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 01 bộ (bản chính) gồm: Văn bản của Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (kèm theo danh sách tập thể, cá nhân) và hồ sơ có liên quan quy định tại các điểm a, b, c, d, Khoản 3 điều này.

5. Trước khi trình khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi trong thời hạn 10 ngày làm việc (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất).

Điều 20. Trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao

tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua và Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÁC CẤP

Điều 21. Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh

Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh Quảng Ngãi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 22. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh do người đứng đầu quyết định thành lập, là bộ phận tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Hội đồng có 01 Phó Chủ tịch là cấp phó của người đứng đầu. Các thành viên Hội đồng là đại diện các tổ chức đoàn thể, bộ phận chuyên môn và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định;

e) Tham mưu cho Thủ trưởng ban hành Quy chế làm việc (hoạt động) của Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Văn phòng hay phòng hành chính tổng hợp, hoặc bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị là thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng.

5. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tinh hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật.

Điều 23. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện, thành phố

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện) có từ 11 đến 15 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập, là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Hội đồng có từ 02 đến 03 Phó Chủ tịch Hội đồng. Trưởng Phòng Nội vụ (hoặc Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội) là Phó Chủ tịch thường trực. Các Phó Chủ tịch và thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn trên địa bàn huyện;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng trên địa bàn;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

4. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành và quy định của pháp luật.

5. Phòng Nội vụ (hoặc Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội) là cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện.

Điều 24. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp xã, phường, thị trấn

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có từ 11 đến 13 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập, là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp xã gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

b) Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch Hội đồng. Các Phó Chủ tịch, thành viên khác và thường trực Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp xã:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn trên địa bàn xã;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng trên địa bàn xã;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

4. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp xã hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ban hành và quy định của pháp luật.

Điều 25. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định thành lập. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, SỬ DỤNG, QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

Điều 26. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng các cấp, ngành, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại các Điều 64, 65, 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với việc khen thưởng theo đợt (chuyên đề), theo các chương trình mục tiêu, nếu trong chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt có khoản chi cho khen thưởng thì tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí đó.

Điều 27. Sử dụng và quản lý Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Nội dung chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm theo các quyết định khen thưởng.

b) Chi nghiệp vụ gồm: In ấn phôi Giấy chứng nhận, Công nhận, Giấy khen, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Huy hiệu, Cờ thi đua; làm hồ sơ khen thưởng; khung Giấy khen, Bằng khen, giấy ép plastic, máy ép plastic, mực in chuyên dụng; làm hiện vật khen thưởng...

c) Chi công tác phục vụ tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng: Mức trích chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo không quá 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho nhiệm vụ sau:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng sáng kiến, Hội đồng Khoa học; Hội đồng xét duyệt Doanh nghiệp, Doanh nhân tiêu biểu; Hội đồng xét duyệt danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng nhà nước.

- Chi tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, chi tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng.

- Chi cho cán bộ đi kiểm tra để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

- Chi cho công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng và một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua; các hoạt động thi đua, khen thưởng khối, cụm.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

3. Quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng

a) Quỹ Thi đua, khen thưởng của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền, giao cho Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh quản lý trực tiếp; Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện, thành phố được UBND huyện, thành phố ủy quyền và giao cho Phòng Nội vụ (Phòng Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội) quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Quỹ Thi đua, khen thưởng cuối năm còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương theo thẩm quyền quyết định khen thưởng thì tiền thưởng được chi theo quy định từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương cấp mình quản lý.

c) Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; quyết định khen thưởng danh hiệu Cờ thi đua, Tập thể Lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen hàng năm, chuyên đề và đột xuất của Chủ tịch UBND tỉnh, tiền thưởng được chi theo quy định từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

d) Khen thưởng các chương trình mục tiêu, tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu đó, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới chi thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 28. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với việc khen thưởng tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức tiền thưởng tùy theo từng trường hợp cụ thể.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích trong phong trào thi đua Khổi, Cùm của tỉnh được thưởng tiền và tặng phẩm lưu niệm; mức tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ (tổng tiền thưởng và tặng phẩm lưu niệm bằng 04 lần mức lương cơ sở).

4. Mức tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Quảng Ngãi đạt “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, đạt thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế, thực hiện theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 và Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 8 và Điều 9 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

5. Mức tiền thưởng kèm theo Bằng công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tập thể, cá nhân đạt “Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phạm Văn Đồng”, thực hiện theo Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Đề án Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phạm Văn Đồng và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Mức tiền thưởng kèm theo Bằng công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với cá nhân đạt “Công dân tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi”, thực hiện theo Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy chế xét chọn “Công dân tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi” giai đoạn 2017-2020.

7. Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp tiền của ủng hộ các quỹ xã hội trong tỉnh dưới hình thức tự nguyện, khi được khen thưởng không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm kỷ niệm.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quy chế này; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương ban hành quy chế thi đua, khen thưởng phù hợp thực tế để thực hiện.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân phản ánh về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng